

Đề bài

Nhà văn Nga M. Gorki, trong một bức thư gửi nhà đạo diễn Xtanilapxki năm 1912 có viết:

“Nghệ sĩ là con người biết khai thác những ấn tượng riêng - chủ quan - của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó những cái có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng”. (M. Gorki, Bàn về văn học, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1970, trang 487). Anh, chị hãy phân tích một số bài thơ để làm sáng tỏ chất nghệ sĩ độc đáo theo quan niệm của M. Gorki. (Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1994, bảng A, đề 1)

Bài làm

Chúng ta là lớp người hiện đại sống vào cuối thế kỉ XX và cái thời văn học cổ đại với những trường ca *Iliat*, *Ôđixê* của Hômerơ đã xa lác xa lơ. Nhưng những tác phẩm văn học cổ đại ấy đã trường tồn với thời gian để đến với chúng ta hôm nay là nhờ cái gì? Bao nhiêu tác phẩm văn học khác của mọi thời đại vượt qua thời gian trở nên bất tử là nhờ cái gì? Phải chăng là nhờ chất nghệ sĩ độc đáo mang cá tính sáng tạo, cái nét riêng của từng thi nhân? Bàn về cái chất nghệ sĩ độc đáo ấy, nhà văn Nga M. Gorki, trong bức thư gửi nhà đạo diễn Xtanilapxki năm 1912 viết:

“Nghệ sĩ là con người biết khai thác những ấn tượng riêng – chủ quan – của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó những cái có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng”.

Quan điểm trên đây của nhà văn M. Gorki luận bàn về chất nghệ sĩ độc đáo. Để sáng tác nên những bài thơ hay và đẹp, người làm thơ cũng nằm trong quỹ đạo chung đó, nghĩa là khai thác được những ấn tượng riêng của mình, tìm được trong đó cái có giá trị khái quát và diễn đạt nó bằng hình thức nghệ thuật riêng, độc đáo của mình.

Phân tích ba bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong trào Thơ mới 1930 - 1945: *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu, *Tràng giang* của Huy Cận và *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử thì chúng ta sẽ làm sáng tỏ được cái “chất nghệ sĩ độc đáo” đó.

Từ xa xưa, nói đến người nghệ sĩ, đặc biệt là những nhà thơ, tức là nói đến những con người yêu cái đẹp, khao khát hướng tới cái đẹp, cống hiến cuộc đời cho cái đẹp. Cái đẹp chung của nhân loại bao gồm cả những nét đẹp riêng của từng con người.

Ba bài thơ *Đây mùa thu tới*, *Tràng giang*, *Đây thôn Vĩ Dạ* đều thuộc phong trào Thơ mới, là tác phẩm của ba nhà thơ nổi tiếng. Cả ba bài đều nằm trong thi mạch của dân tộc và cùng thuộc một dòng văn học nên đều có chung một nét đẹp, một cái hay, cái tiêu biểu của thơ mới.

Trước hết nói đến vẻ đẹp của ba bài thơ trên là nói đến vẻ đẹp của sự xuất hiện của cái “tôi”: “Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ “tôi” xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: “quan niệm cá nhân”. Trong thơ xưa làm gì có cái “tôi”. Xã hội Việt Nam lúc ấy làm gì có cá nhân mà “chỉ có đoàn thể, lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình, hòa tan trong quốc gia như giọt nước trong biển cả”. Cái “tôi” xuất hiện mà tận chiều sâu khát vọng của nó mang một ý nghĩa nhân bản sâu sắc. Hơn bao giờ hết, con người có thể lắng nghe mọi cung bậc của tiếng lòng mình qua thơ ca. Cái “tôi” của riêng Xuân Diệu thiết tha, sôi nổi, đắm say, rạo rực, tìm ra cái buồn trong cái vui, tìm ra cái đẹp trong sự hắt hiu, tàn tạ. Cái “tôi” của Huy Cận buồn ảo não, ngẩn ngơ sâu, nổi “sâu nhân thế”, “sâu

không gian”. Cái “tôi” của Hàn Mặc Tử như điên, như tỉnh, như thực, như mơ và quần quai, đau đớn, vật vờ. Mỗi con người là một “con người này”, một cái “tôi” riêng mang màu sắc chủ quan.

Tiêu biểu cho thơ mới, *Đây mùa thu tới, Tràng giang, Đây thôn Vĩ Dạ* đều mang trong lòng một nỗi buồn da diết. Buồn vì khát vọng của thi nhân muốn đi tìm cái đẹp, cái cao cả, cái tuyệt đích mà lại lạc vào giữa một cuộc đời ô trọc, nó luôn chắt cánh những ước mơ tốt đẹp của con người. Cái buồn của nhà thơ khi không thể thỏa hiệp với cuộc đời đen bạc đành quay lưng với cuộc đời, trốn tránh cuộc đời nên hóa thành nỗi đau day dứt. Đồng thời nó còn bộc lộ vẻ đẹp thanh sạch của thi nhân. Yêu nước, yêu cái đẹp nhưng không đủ sức để bảo vệ nó, cái đẹp của tâm hồn thi nhân ẩn sâu trong tiếng thở dài buồn bã chống chế độ thực dân.

Cùng được sáng tác trong một thời kì, cùng nằm trong dòng chảy của thơ ca lãng mạn, ba bài thơ trên đều có những vẻ đẹp của thơ mới. Nhưng nếu chỉ có thể thôi thì Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử cũng chỉ là những “lều thơ” trống vắng. Sở dĩ *Đây thôn Vĩ Dạ, Đây mùa thu tới, Tràng giang* sống được mãi trong lòng người đọc là bởi trong mỗi bài thơ đều mang dấu ấn của từng nghệ sĩ rất sâu sắc. Ta không thể lẫn cái chất thơ Xuân Diệu, chất thơ Huy Cận hay chất thơ Hàn Mặc Tử. Mỗi bài thơ mang một dáng dấp riêng, một màu sắc rất riêng của từng phong cách thơ. Vì vậy mà đằng sau mỗi ý thơ là một chất nghệ sĩ độc đáo. Đằng sau một câu thơ là một mảnh hồn thi nhân.

Mùa thu vốn gọi cảm, tạo ra bao áng thơ thu trác tuyệt tự xưa:

Từ vào thu đến nay:

Gió thu hiu hắt,

Sương thu lạnh

Trăng thu bạch,

Khói thu xây thành.

Lá thu rơi rụng đầu ghènh

Sông thu đưa lá bao ngành biệt li.

(Cảm thu, tiễn thu, Tản Đà)

Mùa thu đẹp như thế đó, cái *gió thu, sương thu, trăng thu, khói thu, lá thu* đã vào thơ từ mấy nghìn năm. Nhưng mùa thu trong thơ Xuân Diệu lại là một mùa thu riêng mang đậm sắc điệu tâm hồn của nhà thơ.

Rặng liễu đìu hiu đứng chệu tang

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.

Liễu là một thi liệu quen thuộc trong thơ cổ điển. Nhưng trong thơ xưa chỉ có dáng liễu thướt tha bên cầu, còn Xuân Diệu nhìn vào rặng liễu mùa thu ủ rũ, thấy lá ngàn hàng lướt thướt như muôn ngàn hàng lệ rơi. *Rặng liễu*

điều hiu hóa ra người thiếu phụ buồn bã tang thương, buồn đến đất trời cũng hiu hắt, bi ai. Cái mạch thơ thu buồn từ Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến đến Xuân Diệu được nâng lên một đỉnh cao mới. Không gian buồn đến tê lặng cả con người. Ấn tượng của Xuân Diệu về thu buồn đã mang một sắc thái mới, buồn hơn thu xưa đến mấy lần buồn. Cách diễn đạt cũng mới mẻ vô cùng, chỉ có cái chất phong tình của Xuân Diệu thì *rạng liểu* mới hóa thành người *chịu tang*.

Nhưng vốn sẵn trong mình một hồn thơ tha thiết, khát khao, rạo rục một tình yêu cuộc sống nên mùa thu buồn ngẩn ngơ mà đón thu nhà thơ đã reo lên đến hai lần:

Đây mùa thu tới – mùa thu tới

Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Mùa thu đột ngột hiện ra trong màu áo mơ phai nhạt của lá vàng. Danh họa Nga Lêvitan từng có kiệt tác *Mùa thu vàng*. Bích Khê có một không gian vàng huyền ảo trong thơ:

Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi, vàng rơi thu mênh mông.

Bên cạnh những gam màu vàng rục rỡ ấy, màu áo mơ phai của Xuân Diệu choàng lên cho cả không gian nghệ thuật một màu sáng mà thanh nhẹ, gây một ấn tượng khó mờ phai.

Mùa thu có gió thu hiu hắt, sương thu lạnh, nhưng với nỗi cô đơn lạnh lẽo trong lòng, thơ thu của Xuân Diệu nghe lạnh buốt đến tái tê. Lạnh đến độ hoa lìa cành, lá rụng rơi lả tả, lá còn xanh thì hóa thành màu đỏ như muốn xua bớt giá rét. Gương trăng nhợt nhạt, chim xao xác bay đi trốn rét. Con người cũng vắng đi, thưa thớt đi, còn sót lại chỉ vài ba cô thiếu nữ đứng ngẩn ngơ buồn. Mùa thu là mùa chia li. Nhưng chưa bao giờ như bây giờ, cái xao xác, buồn lạnh, sầu thương của hận chia li lại in đậm vào trong thơ như thế. Mới vào thu mà bức tranh thu đã hiu quạnh đến rợn người. Tất cả đều bỏ đi, chia lìa nhau để lại một khung trời thu vắng và trống trải. Chỉ còn những nhánh xương thu gầy run rẩy in lên trên nền trời. *Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh* quất lên nền trời xám đục, vẫn mây như một cảnh san hô. Cái rét tung hoành khắp không gian. Cành cây gầy khô như có rét từ bên trong tỏa ra mà run rẩy. Mới chớm thu mà cái rét đã đậm đặc. Với Xuân Diệu, nó được cộng hưởng từ bao nhiêu nguồn rét: rét lạnh từ hồn thi nhân trơ trọi trên cõi đời, rét lạnh từ gió, rét từ cành cây mong manh. Cuối cùng bao nhiêu cái rét ấy hợp nhất lại tấn công vào con người. Con người – cô thiếu nữ – con người ở lứa tuổi yêu đương cũng cảm nhận được tất cả những cái rét, cái buồn tự đất trời, tự lòng mình mà không nói, chỉ tựa cửa nhìn xa như đang suy tư, mơ cái buồn, cảm cái rét tinh vi hơn người nên buồn rữ. Mặc dù thế, cái chất đa tình, ham yêu, ham sống của nhà thơ vẫn lồ lộ qua bức tranh thu ngơ ngẩn buồn, đắm hận chia li mà vẫn thấp thoáng như tiếng

thờ dài của những hồn cô đơn thả ra những tiếng gọi nhau: Hãy sống gần nhau hơn nữa!

Cái mạch thu buồn ngấm ngấm trong lòng thi nhân tự ngàn xưa với biết bao cảnh thu buồn lai láng nhưng đối với Xuân Diệu, ấn tượng về mùa thu đã qua con mắt thơ của nhà thơ và bộc lộ ra một mùa thu khác, mùa thu của riêng Xuân Diệu.

Tràng giang của Huy Cận đã trở thành một bài thơ cổ điển của phong trào Thơ mới. Cái sầu của vũ trụ, sầu thâm niên trong hồn thơ đã mệnh mang khắp đất trời. Nhưng cái buồn ảo não và tinh vi như Huy Cận xưa nay chỉ có một. Trước cái vô hạn của không gian, cái vĩnh cửu của thời gian, con người mới nhỏ bé, yếu đuối làm sao:

Ai người đầu đã soi trăng ấy

Trăng ấy soi người tự thuở nào.

(Trương Nhược Hu)

Còn Huy Cận như chơi với giữa không gian ba chiều: cao, rộng, dài. Đứng trước dòng *tràng giang*, dễ thấy từng lớp sóng điệp điệp trải dài xa vắng, mênh mông. Hơi lạnh của gió sông thổi buồn hun hút vô biên:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song.

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;

Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Tràng giang – ngay cả cách đặt tên cho bài thơ đã độc đáo rồi. Hai âm ang đi liền nhau nghe vang vang mà êm êm, đều đều lại có vẻ bằng bạc sắc màu. Những điệp từ *điệp điệp*, *song song* nhân kích thước dòng sông ra vô tận, đẩy nỗi buồn lên nút cao. Con người buồn đến thế, nhỏ bé thế mà đường đời rộng làm sao. Con người yếu đuối như cành củi khô lạc giữa dòng đời, mặc cho cuộc đời xô đẩy.

Cái buồn trong *Tràng giang* không dữ dội, dạt dào mà nhẹ nhẹ, êm êm, mênh mông, sâu lắng đến rợn ngợp. Cái buồn thế sự, buồn tự *Chinh phụ ngâm* theo gió thổi về:

Non kĩ quạnh quẽ trăng treo

Bến Phì gió thổi đều hiu mấy gò.

Cái hơi gió *đều hiu* sao mà hiu hắt, mà quạnh quẽ đến thế: *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*. Nghe thoảng trong gió *đều hiu* cái lạnh lẽo của gió sông, rồi cái vang vọng của cuộc đời vào buổi chiều này càng yếu ớt làm sao. Nói chợ chiều là đã buồn, mà chợ đã vắng người, đã vắng người thì trợ trợ bao nhiêu. Mà không gian thì cao, rộng đã được nhân lên mấy lần:

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Câu thơ phảng phất chất cổ điển ta đã gặp trong những câu thơ xưa. Ngắm dòng *tràng giang* sóng gợn *điệp điệp* trôi về chân trời, nhà thơ thấy cả trong lòng sông bóng dáng của trời chiều cao lồng lộng. Năng chiếu xuống dòng sông, trời trong lại càng cao, dưới đáy sông bầu trời như sâu chót vót. Sông thì dài, trời cao, rộng, bên sông lại càng cô liêu hơn mấy lần. Mà bờ sông hoang vắng như thời tiền sử, không cầu, không một con đò. Hai bờ cứ thế đứng đung, thờ ơ với nhau rồi lặng lẽ chạy theo một dòng nước.

Tràng giang là một bức tranh cổ điển, sắc màu đã bay nhạt đi. Mỗi khổ thơ là một bức tranh nhỏ tạo nên một bộ tranh tứ bình trong truyền thống tranh Việt Nam. Không gian bàng bạc, nhạt nhòa trên dòng *tràng giang* nổi lên hai màu sáng đậm thật đột ngột: màu xanh của bãi ngô, màu vàng của bãi cát. Nhưng Huy Cận đã hòa chúng trên nền mây lờ lờ chất thành núi bạc. Thành ra, màu xanh, màu vàng sáng ấy được nhòa đi khi đặt trong một gam màu lạnh lẽo – màu mây bạc.

Đây cũng là cái “sâu không gian”, nỗi buồn khắc khoải của con người trong khát vọng hướng về cõi bất tử. Chiếm lĩnh được không gian, trở nên trường tồn như không gian là con người đã khắc phục được thời gian để đi vào cõi bất tử. *Tràng giang* là ngọn lửa thiêng ấp ủ khát vọng vĩnh hằng ấy của loài người. Con người hữu hạn cảm thấy mình nhỏ bé trong cái không gian Liêu Trai vô biên, lạnh lẽo của vũ trụ.

Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử lại thể hiện nỗi đau của một mối tình trong mộng ảo:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.

Mở đầu bài thơ là một câu hỏi mà ẩn đằng sau là một lời mời gọi, lời hò hẹn thầm kín của cô gái Huế.

Sao anh không về chơi thôn Vĩ – câu thơ bảy chữ thì đã hết sáu vần bằng. *Về* thường liền cặp với từ *đi* nghĩa là anh đã từng quen thân với thôn Vĩ, sao lại không về thăm? *Về* với thôn Vĩ thôi chứ không phải về với em. Câu hỏi ấy chứa đựng bao nhiêu tình cảm tha thiết của cô gái dành cho anh. Thôn Vĩ đẹp vô cùng với nắng ban mai lấp lánh trên những tàu cau đằm sương đêm, vườn tược xanh mướt như ngọc, với *lá trúc che ngang mặt chữ điền*, và thấp thoáng đằng sau những khu vườn xinh đẹp, duyên dáng ấy của thôn Vĩ là hình ảnh con người. *Sao anh không về chơi thôn Vĩ* là một lời thăm trách dịu dàng, tha thiết: Sao không về với em?

Từ lời mời dịu dàng ngọt ngào chuyển sang khổ thơ hai, thôn Vĩ Dạ đã như mơ như thực. Nhà thơ đã đưa mình từ cõi thực vào cõi mơ. Cảnh ở đây sao mà chia lìa, mà buồn hiu đến thế:

Gió theo lối gió, mây đường mây

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.

Mây bay thì phải có gió, vậy mà trong bài thơ, mây bay một đường gió đi một ngã. Chúng giận hờn nhau, lia xa nhau. Từ đây, nhà thơ như đã thoát tục rồi, có thể con thuyền mới hóa thành thuyền chở trăng:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Không gian bát ngát ánh trăng. Trăng rơi xuống dòng sông và từng con sóng lại đuổi theo đùa giỡn với ánh trăng gợn trên mặt nước. Trăng lại rút đây cả một con thuyền với những đêm hò hẹn của lứa đôi. Nhưng làm sao biết trước được trăng có kịp về theo lời hò hẹn đêm nay? Câu thơ có cái gì khắc khoải mong đợi một câu trả lời mà không bao giờ trả lời cho được. Cuối cùng khát vọng vẫn chỉ là khát vọng, mộng mơ vẫn là mơ mộng mà thôi:

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Áo càng trắng thì nhìn càng rõ chứ sao! Nhưng xứ Huế đẹp mơ mộng giàu khói sương nên nhòa lẫn vào áo trắng thật khó nhận ra. Tình yêu đã đầy khát vọng lên tới tột đỉnh, rồi nhà thơ chợt như tỉnh ra, khắc khoải buồn: *Ai biết tình ai có đậm đà?*

Từ ai vang lên hai lần nghe lẫn đậm, dưng dưng mà thống thiết vô cùng. Em xa xôi quá, xứ Huế xa xôi quá lại nhiều sương khói nữa nên bóng hình em, áo trắng của em tan vào sương vào khói. Anh làm sao biết được, làm sao nhìn ra?

Cả khổ thơ như là một nỗi thất vọng cay đắng khi nhà thơ sực nhận ra hoàn cảnh của chính mình. Tình yêu nồng nàn, tha thiết và sâu sắc nhưng không thể nào vươn tới được vì em xa xôi quá, mờ ảo quá như trong mộng mơ. Có chút gì như xua đuổi, giận hờn trong mấy câu sau. Nhưng đó chính là nỗi đau cao độ của một tình yêu. Cơn đau của nhà thơ như giằng như xé tâm can đằng sau từng con chữ.

Ba bài thơ nổi tiếng của ba bài thơ lớn của phong trào Thơ mới tuy có những nét đẹp chung tiêu biểu cho một dòng thơ song mỗi bài thơ lại mang một vẻ đẹp riêng không thể lẫn. Đó là vẻ đẹp của tâm hồn từng thi sĩ, khi nhà thơ biết “khai thác những ấn tượng riêng – chủ quan – của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó những cái có giá trị khái quát và biết làm sao cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng” (M. Gorki). Đó chính là cái độc đáo trong chất nghệ sĩ của từng thi nhân. Nó phụ thuộc vào hoàn cảnh sống và điệu tâm hồn của từng thi sĩ. Nét độc đáo làm nên cái hay, cái đẹp của mỗi bài thơ – đó chính là phong cách của nhà thơ. Phong cách nhà thơ, điệu tâm hồn của nhà thơ đã tạo nên một đôi mắt thơ

với một cách nhìn và cách cảm, một cách diễn đạt riêng của từng cái “tôi” riêng. Cũng là mùa thu buồn từ muôn thuở nhưng đến Xuân Diệu, mùa thu bỗng thê lương, bi ai qua rặng liễu nghiêng mình buông lá như trút muôn hàng lệ. Không gian buồn, đậm khí chia li và rét mướt như giữa mùa đông. Nhưng bức tranh thu dù buồn bã, u uất đến bao nhiêu đi nữa, dưới con mắt thơ của Xuân Diệu, trong mùa thu vẫn hàm ý cả một bước đi của thời gian. Mùa qua mùa lại qua mùa. Thời gian trôi chảy một đi không trở lại. Vốn khao khát sống, yêu đời tha thiết, thi sĩ như sợ thời gian tuột qua bàn tay nên đầu mùa thu buồn đến mức thê lương, ông vẫn vò vập, ngấu ngiên trong con rét lạnh tê người. Và bởi sợ nỗi cô đơn nên bức tranh thu tan tác chia lìa vẫn vương vất hình bóng thiếu nữ đứng tựa cửa nhìn xa như suy nghĩ, như chờ đợi một cái gì. Mùa thu trong *Đây mùa thu tới* qua trái tim đa tình của nhà thơ nào nuốt như một tiếng thở dài của những hồn cô đơn gọi nhau: Hãy gần nhau thêm chút nữa! Và *Tràng giang*, bức tranh cổ điển của một nhà thơ mới, lại mang nặng nỗi sầu không gian, nỗi khắc khoải của một kiếp người hữu hạn trước thời gian vô hạn và không gian vĩnh cửu, cái hơi lạnh buốt giá của sông nước, của cuộc đời vẫn thắm đẫm một tình yêu quê hương, đất nước. Từng con sóng *tràng giang* đuổi nhau tới tận chân trời mang theo nỗi lòng của nhà thơ “nặng buồn sông núi”. Đến độ người ta phải thảng thốt: “Thơ Huy Cận đó ư? Ai nhắc làm chi nỗi thê thiết của ngàn đời, ai động làm chi cái lớp sầu dưới đáy hồn nhân thế”. Nỗi buồn không rạo rức, không bản khoăn như Xuân Diệu mà lắng sâu, trầm tĩnh, mệnh mang dưới đáy lòng. Nỗi sầu không gian hóa thành nỗi đau đời bé tắc không cùng. Cả ba bài thơ đều mang nặng nỗi buồn đau, với mỗi tâm hồn khác nhau từng nếp gấp nếp trái nỗi buồn dàn ra cũng mang theo sắc điệu riêng của từng người. *Đây thôn Vĩ Dạ* day dứt, đau đớn tưởng xé nát tâm can và khắc khoải trong nỗi thất vọng tình yêu. Nhà thơ hóa thân làm cô gái Huế nhưng cuối cùng lại trở lại với chính mình nguyên vẹn thương đau. Khát vọng dù mãnh liệt đến bao nhiêu cuối cùng vẫn chỉ là khát vọng. Tình yêu dù mãnh liệt nhưng bé tắc, nhà thơ không thể thoát ra khỏi hoàn cảnh của mình để vươn tới hạnh phúc, tình yêu.

Ba bài thơ buồn, ba nỗi đau khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh và điệu tâm hồn của từng nhà thơ. Những ý tưởng độc đáo được diễn đạt dưới những hình ảnh, lời thơ độc đáo. Chính vì thế mà vượt qua sự xói mòn của thời gian, *Đây mùa thu tới*, *Tràng giang*, *Đây thôn Vĩ Dạ* vẫn trường tồn trong lòng người yêu thơ. Đúng như lời nói của M. Gorki về chất độc đáo của từng nghệ sĩ. Chúng ta hiểu rằng cái làm nên giá trị vĩnh hằng của một tác phẩm văn học chính là chất nghệ sĩ độc đáo của từng thi nhân.

Nguyễn Thị Liễu Hoàn

Trường THPT Quảng Ninh – Nam Bình (Bài đoạt giải nhì)